



Phiếu an toàn hóa chất

1015F

SDS Bản sửa đổi 1.0
Ngày tháng: 31/01/2023

1. TÊN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm / Mã số sản phẩm : 1015F
Tên khác: -
Phạm vi và giới hạn sử dụng: Tham khảo bảng thông số kỹ thuật
Điện thoại và địa chỉ của nhà sản xuất cung ứng : CÔNG TY TNHH NAN PAO MATERIALS VIETNAM Lô A4, A5,A10,A11, đường Đại Đăng 3, KCN Đại Đăng, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810
Điện thoại khẩn/ Fax : +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810

2. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT NGUY HIỂM

Phân loại hóa chất độc hại Chất lỏng dễ cháy loại 2;H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2;H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể sau 1 lần phơi nhiễm; hiệu ứng tê liệt loại 3;H336 Độc với môi trường nước – độc cấp tính loại 2 H401 Độc với môi trường nước – độc mãn tính loại 3 H412	Dung dịch và hơi dễ bắt lửa Kích ứng nghiêm trọng cho mắt Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt Độc với động vật dưới nước Độc với động vật dưới nước và có ảnh hưởng lâu dài
---	--

Nội dung nhãn dán

Phân loại độc hại của Đài Loan

Nhãn dán



Chất oxy hóa



cháy nổ



Nguy hiểm



Nguy hại sức khỏe



Môi trường

Cảnh báo: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm :

H225 Dung dịch và hơi dễ bắt lửa

H319 Kích ứng nghiêm trọng cho mắt

H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

H401 Độc với động vật dưới nước

H412 Độc với động vật dưới nước và có ảnh hưởng lâu dài

Phòng tránh nguy hiểm :

[Phòng tránh]:

P210 Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc.

P233 Giữ thùng chứa được đóng kín.

P235 Giữ lạnh.

P240 Nối đất / kết nối thùng chứa và thiết bị hỗ trợ.

P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/thiết bị chống cháy nổ.

P242 Chỉ được dùng với các dụng cụ không phát ra tia lửa.

P243 Sử dụng các biện pháp chống tĩnh, đeo gang tay và khẩu trang thích hợp.

P261 Tránh hít dạng bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun.

P264 Rửa tay kỹ sau khi xử lý.

P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực có hệ thống hút.

P273 Tránh thải ra môi trường.

P280 Mang găng tay bảo vệ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

[Xử lý khi gặp sự cố]:

P303+361+353 Nếu trên da (hay tóc): Ngay lập tức loại bỏ / cởi hết quần áo nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước / vòi sen.

P304+312 Nếu bị kích ứng da: nên được tư vấn hoặc điều trị y tế.

P305+351+338 Nếu văng vào mắt: Rửa sạch cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có thể. Tiếp tục rửa mắt. Nếu cảm thấy không khỏe, ngay lập tức gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ.

P337+313 Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm sự tư vấn hoặc chăm sóc y tế.

P370+378 Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng phương tiện chữa cháy được liệt kê trong mục số 5 của SDS để dập lửa.

[Bảo quản]:

P403+233 Đặt tại nơi thông gió tốt. Đậy kín thùng chứa

P405 Khóa nắp chặt để lưu trữ.

[Phế thải]:

P501 Xử lý vớt bỏ phế thải và thùng chứa rỗng theo quy định của địa phương và quốc gia.

Mối nguy hại khác: Sản phẩm này không bao gồm hóa chất PBT/vPvB

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT NGUY HIỂM

DẠNG HỖN HỢP :

Thành phần và phân loại nguy cơ GHS của sản phẩm:

Tính chất hóa học :			
Thành phần hóa chất	Số CAS	Nồng độ/ (%)	Phân loại theo quy định ở Đài Loan *
Acetone	Số CAS: 67-64-1 Số EC.: 200-662-2 Số Index: 606-001-00-8	91 - 94	Dung dịch dễ cháy loại 2;H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2;H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể sau 1 lần phơi nhiễm loại 3;H336
Ethyl acetate	Số CAS: 141-78-6 Số EC.: 205-500-4 Số Index: 607-022-00-5	4 - 6	Dung dịch dễ cháy loại 2 H225 Chất gây tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt loại 2 H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm 1 lần); hiệu ứng tê liệt loại 3 H336
Trichloroisocyanuric Acid	Số CAS: 87-90-1 Số EC.: 201-782-8 Số Index: 613-031-00-5	2-3	Chất oxy hóa thể rắn 2 H272 Độc cấp tính-nuốt phải loại 4; H302 Chất gây tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng loại 2 H319 Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần); kích ứng đường hô hấp loại 3 H335 Gây hại đối với môi trường nước-độc cấp tính loại 1 H400 Gây hại đối với môi trường nước độc mãn tính loại 1 H410

Các thành phần không nguy hiểm

Chỉ định thành phần / hóa chất	Nồng độ %	Phân loại GHS
--------------------------------	-----------	---------------

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu đối với các đường tiếp xúc khác nhau:
Chung : Trong tất cả các trường hợp nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng vẫn tiếp tục, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Không được cho bất cứ thứ gì vô miệng của người đang bất tỉnh.
Hít vào: Đưa người bệnh đến nơi không khí trong lành. Nếu như khó thở, lập tức cho thở Oxy, nếu ngừng thở, lập tức hô hấp nhân tạo và đưa đi chữa trị.
Tiếp xúc với da :

Dùng nước và xà phòng rửa sạch, giày và quần áo ô nhiễm cần phải được cởi bỏ. Giặt sạch trước khi mặc và khi thấy ngứa phải đi chữa trị.
Tiếp xúc với mắt: Lập tức lật mí mắt trên và mí mắt dưới dùng nước rửa trên 15 phút, đồng thời đưa đi chữa trị ngay.
Nuốt vào: Tránh ép nôn, lập tức sơ cứu, để nạn nhân nghỉ ngơi, sau đó đưa đi chữa trị.
Những triệu chứng chủ yếu và ảnh hưởng độc hại: Chung : Không có sẵn dữ liệu triệu chứng cụ thể. Hít vào: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt. Tiếp xúc với mắt : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Tiếp xúc với da : NA
Phòng hộ của nhân viên cấp cứu: Nhân viên cứu hộ cần phải mặc quần áo bảo hộ loại C và di chuyển người, vật ra khu vực an toàn.
Lưu ý cho bác sĩ: Điều trị đúng theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY:

Chất chữa cháy: Dùng nước xịt, dạng bột, hóa chất làm khô, carbon dioxide.
Những nguy hiểm có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy : nguy hiểm khi phân hủy: Carbon Dioxide, Carbon Monoxide Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần, bề mặt nóng – Cấm hút thuốc. Giữ kín thùng chứa. Giữ mát. Nối đất / kết nối thùng chứa và thiết bị hỗ trợ. Sử dụng thiết bị điện/ thông gió/ ánh sáng/ thiết bị chống cháy nổ. Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa điện. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng điện tĩnh. Tránh hít thở bụi/ khói/ khí/ sương mù/ hơi/ hơi nước.
Các phương pháp chữa cháy đặc biệt: NA
Bảo hộ cho nhân viên cứu hỏa: Như với tất cả các đám cháy, hãy đeo thiết bị thở áp suất dương, khép kín, (SCBA) với đầy đủ khẩu trang và quần áo bảo hộ. Những người không có thiết bị bảo vệ đường hô hấp nên rời khỏi khu vực. Mang SCBA trong quá trình dọn dẹp ngay sau khi hỏa hoạn. Cấm hút thuốc.

6. BIỆN PHÁP TRÁNH TAI NẠN:

Cảnh báo cá nhân: Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp (xem mục số 8).
Cảnh báo môi trường : Không để hóa chất tràn vào cống rãnh hoặc đường nước. Tạo thói quen vệ sinh cá nhân sạch sẽ. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Nhanh chóng loại bỏ quần áo bẩn và giặt kỹ trước khi sử dụng lại.
Biện pháp vệ sinh: Thông gió cho khu vực và tránh hít phải hơi. Thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân được liệt kê trong mục số 8.Lau và thẩm hóa chất tràn bằng vật liệu không cháy, ví dụ: cát, đất và vermiculite. Đặt trong các thùng chứa kín bên ngoài các tòa nhà và xử lý theo Quy định về Chất thải.(tham khảo mục 13). Tốt nhất nên dùng chất tẩy rửa để tẩy rửa. Không nên dùng dung môi. Không được để hóa chất tràn đổ chảy vào cống rãnh và nguồn nước. Nếu sông suối, ao hồ bị ô nhiễm, hãy báo cho Cục quản lý và bảo vệ môi trường.

7. CÁCH XỬ LÝ AN TOÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN

Tính ổn định : Xem mục 2 để biết thêm chi tiết. - [Phòng ngừa]:
Bảo quản : Xử lý thùng chứa cẩn thận để tránh hư hỏng và tràn đổ. Hóa chất cần tránh: Không có dữ liệu. Xem mục 2 để biết thêm chi tiết. - [Bảo quản]:

8. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA PHƠI NHIỄM

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ. Trong trường hợp khả thi, nên sử dụng thiết bị thông gió tại chỗ. Nếu điều này không đủ để duy trì nồng độ của các hạt dưới bất kỳ giới hạn hơi tiếp xúc nghề nghiệp nào, thì nên đeo mặt nạ phòng độc thích hợp.

Thông số kiểm soát					
Thành phần	Bình quân nồng độ cho phép trong 8 tiếng	Bình quân nồng độ cho phép trong khoảng thời gian ngắn	Nồng độ cho phép cao nhất	Quy phạm khác	
0000141-78-6 / Ethyl acetate	400 ppm TWA;	500 ppm 1440	NA	ACGIH	TWA: 150 ppm
	1440 mg/m3 TWA	mg/m3		NIOSH	TWA 400 ppm (1400 mg/m3)
0000067-64-1 / Acetone	200 ppm TWA;	250 ppm 593.75	NA	ACGIH	TWA: 500 ppmSTEL: 750 ppm
	475 mg/m3 TWA	mg/m3		NIOSH	250 ppm (590 mg/m3) TWA
0000087-90-1 / Trichloroisocyanuric Acid	NA	NA	NA	ACGIH	NA
				NIOSH	NA
Thành phần		BEI			
0000141-78-6 /Ethyl acetate		NA			

0000067-64-1 /Acetone	Hàm lượng ACE trong nước tiểu là 50mg/L (Ns)
0000087-90-1 / Trichloroisocyanuric Acid	NA
Thiết bị bảo vệ cá nhân : Bảo vệ hô hấp : Nếu tiếp xúc vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì sử dụng mặt nạ thích hợp và đã qua kiểm nghiệm để bảo vệ. Bảo vệ tay : Kiến nghị sử dụng bao tay. Bảo vệ mắt : Đeo kính bảo hộ để bảo vệ mắt Bảo vệ da và cơ thể : Tránh tiếp xúc với da. Biện pháp vệ sinh: Tuân theo biện pháp phòng bị, quần áo ô nhiễm cần lập tức thay, sau công việc phải rửa tay.	

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại quan (trạng thái, màu sắc...vv) : dung dịch trong suốt không màu	Mùi vị : mùi ketone
Ngưỡng gây mùi : NA	Điểm tan chảy : NA
Giá trị pH: NA	Điểm sôi/ khoảng sôi : 56 °C
Khả năng bắt lửa (thể rắn, thể khí) : NA	Điểm chớp cháy: Cách thử (Cốc đóng hoặc mở): -20 °C (Cốc kín)
Nhiệt độ phân hủy : NA	Giới hạn bốc cháy : 2.6 % - 12.8 %
Nhiệt độ tự bốc cháy : 465 °C	Mật độ hơi : 2 (không khí=1)
Áp suất hơi : 180mmHg (20 °C)	Độ tan : tan
Tỷ trọng (nước=1) : 0.79	Mức độ bay hơi : 5.6 (BAC=1)
Hệ số phân bố (n-octanol/nước,log Kow) : NA	Tính chất cháy nổ : NA
Tính oxy hóa : NA	Ngưỡng gây mùi(đầu dò) : 3.6-653ppm
Ngưỡng gây mùi (cảm giác) : 33-699ppm	

10. KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG VÀ TÍNH ỔN ĐỊNH

Tính ổn định : Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.
Tính an toàn hóa học : Ổn định trong điều kiện bình thường.
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong trường hợp đặc biệt: NA
Trường hợp cần tránh : Tránh nhiệt độ vượt quá điểm chớp cháy hoặc tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
Hoá chất nên tránh : NA
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Carbon Dioxide, Carbon Monoxide

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Con đường tiếp xúc / triệu chứng :		
Con đường tiếp xúc	Cấp độ	Symptom
tổn thương nghiêm trọng/kích ứng mắt	2	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
Phơi nhiễm 1 lần	3	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

Độc cấp tính

Thành phần	Đường miệng LD50, mg/kg	Da LD50, mg/kg	Hít vào hơi LC50, mg/L/4hr	Hít vào Bụi / sương mù LC50, mg/L/4hr	Hít vào dạng khí LC50, ppm
Ethyl acetate - (141-78-6)	4,934.00, chuột - cấp độ nguy hại: 5	20,001.00, thỏ - cấp độ nguy hại: NA	58.60, chuột - cấp độ nguy hại: NA	NA	NA
Acetone - (67-64-1)	5,800.00, chuột – cấp độ nguy hại: NA	7,426.00, thỏ - cấp độ nguy hại: NA	76.00, chuột –cấp độ nguy hại: NA	50.10, chuột - cấp độ nguy hại: NA	NA
Trichloroisocyanuric Acid - (87-90-1)	406.00, chuột – cấp độ nguy hại: 4	>2,000.00, thỏ - cấp độ nguy hại: 5	NA	NA	NA

Lưu ý: Nếu dữ liệu LD50 của đường dùng cụ thể không có sẵn cho độc tính cấp tính, khi tính toán sản phẩm ATE (Ước tính độc cấp tính) có thể sử dụng điểm ước tính độc cấp tính.

Dữ liệu về chất gây ung thư			
Số CAS	Thành phần	Nguồn tư liệu	Giá trị
0000141-78-6	Ethyl acetate	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không

		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không có; Nhóm 2A: Không có; Nhóm 2B: Không có; Nhóm 3: Không có; Nhóm 4: Không có;
0000087-90-1	Trichloroisocyanuric Acid	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không có; Nhóm 2A: Không có; Nhóm 2B: Không có; Nhóm 3: Không có; Nhóm 4: Không có;
0000067-64-1	Acetone	OSHA	Chất gây ung thư bị kiểm soát: Không
		NTP	Đã biết: Không; Nghi ngờ: Không
		IARC	Nhóm 1: Không có; Nhóm 2A: Không có; Nhóm 2B: Không có; Nhóm 3: Không có; Nhóm 4: Không có;
Độc mãn tính hoặc độc tính lâu dài :			

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái Có hại với động vật thủy sinh và có ảnh hưởng lâu dài Có độc với sinh vật thủy sinh.				
Thành phần	96 h LC50 cá, mg/l	48 hr EC50 giáp xác, mg/l	ErC50 Rong biển, mg/l	Khả năng phân hủy sinh học %
Ethyl acetate - (141-78-6)	230.00, cá tuế đầu bet	100.00, rận nước	>100.00 (72 h), Desmodesmus subspicatus	60.00
Acetone - (67-64-1)	8,120.00, cá sóc	8,800.00, Rận nước	7,000.00 (96 hr), vi tảo Pseudokirchneriella	90.90
Trichloroisocyanuric Acid - (87-90-1)	0.08, cá sóc	0.17, Rận nước	NA	NA
Sự tích tụ và chu kỳ phân rã : không có dữ liệu liên quan.				
Khả năng tích lũy sinh học : không có dữ liệu liên quan.				
Ảnh hưởng đến độ màu mỡ của đất : không có dữ liệu liên quan.				
Kết quả đánh giá PBT và vPvB : sản phẩm này không bao gồm hóa chất PBT/vPvB				
Những ảnh hưởng khác : không có dữ liệu liên quan.				

13. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ PHẾ THẢI

Các phương pháp xử lý chất thải: Tuân thủ tất cả các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương khi thải bỏ chất này.
--

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

	DOT	IMO / IMDG	ICAO/IATA
--	-----	------------	-----------

Số UN	UN1993	UN1993	UN1993
Tên vận chuyển UN	chất lỏng dễ cháy, chưa có quy định cụ thể	chất lỏng dễ cháy, (Acetone, Ethyl acetate, Trichloroisocyanuric Acid)	chất lỏng dễ cháy, (Acetone, Ethyl acetate, Trichloroisocyanuric Acid)
Phân loại độc tính	DOT Hazard Class: 3	IMDG: 3 Sub Class: NA	Air class: 3
Thẻ loại đóng gói	II	II	II
Số hướng dẫn ERG	128		
Gây ô nhiễm biển (Có / Không)	Không		
Quy định đặc biệt khi vận chuyển:	NA		

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT

Quy định áp dụng: :

Luật an toàn vệ sinh lao động

Luật quản lý các chất hóa học độc hại và đáng lo ngại

Tiêu chuẩn tiếp xúc cho phép ở nơi làm việc

Ghi nhãn hóa chất nguy hiểm và các quy tắc kiến thức chung

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên

Phương pháp xử lý, loại bỏ và lưu giữ chất thải công nghiệp

Các biện pháp quản lý đối với việc vận chuyển các chất độc hại và hóa chất cần quan tâm:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên 1. Các hóa chất được chỉ định tại Điều 2, khoản 2, mục 1:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các biện pháp quản lý chỉ định và vận hành đối với hóa chất quản lý ưu tiên 1. Các hóa chất được chỉ định tại Điều 2, khoản 2, mục 2:

Acetone

Ethyl acetate

Trichloroisocyanuric Acid

Dung môi hữu cơ OSHA:

Acetone

Ethyl acetate

Các chất hóa học cụ thể, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các chất quản lý được chỉ định, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Các chất được quản lý cụ thể, Taiwan OSHA:

Acetone

Ethyl acetate

Giám sát môi trường hoạt động dung môi hữu cơ, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

Hồ sơ giám sát của các chất hóa học được lưu giữ trong 30 năm, Taiwan OSHA:

Theo như chúng tôi được biết, không có hóa chất nào trong sản phẩm này nằm trong danh sách, hoặc vượt quá mức kiểm soát hợp pháp cần được khai báo.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Nguồn gốc tư liệu	1. Trang web Bộ Lao động Cơ quan Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp và Hệ thống Hòa giải Toàn cầu Hóa chất GHS(http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx) 2. Trang web về các chất hóa học độc hại của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (http://www.epa.gov.tw/np.asp?ctNode=31422&mp=epa) 3. Trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (http://echa.europa.eu/)
Người lập biểu	Chức vụ Trợ lý Tên (Chữ ký) Lê Thị Trâm
Ngày lập biểu	31/01/2023

Ghi chú	Thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là chính xác. Tuy nhiên, không cung cấp bất kỳ hình thức bảo đảm nào đối với thông tin có trong tài liệu này. Chúng tôi không chịu trách nhiệm và từ chối mọi trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ tác động có hại nào có thể gây ra khi tiếp xúc với sản phẩm của chúng tôi trong trường hợp sản phẩm này bị tiết lộ ra ngoài. Khách hàng / người sử dụng sản phẩm này phải tuân thủ tất cả các luật, quy định và điều lệnh hiện hành về sức khỏe và an toàn.
----------------	--

End of Document